

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 44



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là: SONG HONG CORPORATION. Tên viết tắt là: SHC  
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch - Bổ nhiệm ngày 29/07/2016
	Ông Đặng Tiên Phong	Chủ tịch - Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
	Ông Lê Xuân Thi	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 29/07/2016
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Bà Phùng Minh Bằng	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 29/07/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 29/07/2016
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 29/07/2016
	Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 20/10/2016

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *nh*



**Lã Tuấn Hưng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2017

Số. 418/2017/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 14 tháng 4 năm 2017, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 31/12/2015 với giá trị lần lượt là 357,94 tỷ đồng và 325,95 tỷ đồng, tại thời điểm 31/12/2016 với giá trị lần lượt là 561,94 tỷ đồng và 392,12 tỷ đồng. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty;

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc kỳ kế toán nên kiểm toán viên đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 tại một số Công ty con. Với các thông tin đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2016 là: Tiền mặt: 4,67 tỷ đồng, Hàng tồn kho: 174,49 tỷ đồng và Tài sản cố định: 11,33 tỷ đồng. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí một số công trình đã ghi nhận hết doanh thu với số tiền là 9.805.971.923 đồng; Số dư hàng hóa tồn kho 243.372.378 đồng không có hàng hóa thực tế. Nếu điều chỉnh số liệu này thì khoản mục Lợi nhuận chưa sau thuế năm 2016 của Tổng Công ty giảm đi 10.049.344.301 đồng.

Tại ngày 31/12/2016, tại một số Công ty con của Tổng Công ty có khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác với tổng số dư là 39,27 tỷ đồng có dấu hiệu khó có khả năng thu hồi nhưng chưa được đánh giá giá trị tổn thất dự kiến và ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi do chưa đủ hồ sơ chứng từ hoặc liên quan đến các dự án, công trình đang thực hiện hoặc có thể thu hồi từ các tài sản khác. Ước tính lũy kế đến 31/12/2016 giá trị tổn thất là 31,81 tỷ đồng. Nếu Tổng công ty điều chỉnh vào năm 2016 thì chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2016 lỗ lũy kế tăng 31,81 tỷ đồng, chỉ tiêu lợi nhuận chưa sau thuế năm 2016 giảm đi 31,81 tỷ đồng.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng - Công ty con của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 chưa được kiểm toán dẫn đến việc kiểm toán viên đã phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan. Vấn đề này vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty. Do giới hạn trong việc thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị của tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty con này với tổng số tiền tại 31/12/2015 và 31/12/2016 lần lượt là 50,98 tỷ đồng và 62,06 tỷ đồng.

Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 mà Tổng Công ty đang trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là tài sản xây dựng cơ bản dở dang (giá trị tài sản dở dang tạm tính là 23,73 tỷ đồng). Trong đó: giá trị cho Bà Lê Thị Nguyệt thuê được phản ánh ở chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 21,45 tỷ đồng; giá trị cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê được phản ánh ở chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 54,97 tỷ đồng. Hiện nay, thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn tất nên Tổng công ty chưa hạch toán tăng bất động sản đầu tư, chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.3 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, tới ngày phát hành Báo cáo này Dự án vẫn chưa hoàn thành thủ tục quyết toán dự án đầu tư hoàn thành và xác định kết quả phân chia giữa các bên tham gia hợp tác đầu tư. Theo Biên bản tạm xác nhận lợi nhuận đầu tư dự án đã ký giữa Ban Quản lý Dự án Thái Hà, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng ngày 19/06/2015 thì lợi nhuận tạm phân chia từ việc bán căn hộ chung cư cho Tổng Công ty được xác định là 103,92 tỷ đồng. Tổng Công ty đã tạm hạch toán lợi nhuận từ phần bán căn hộ của Dự án là 103,92 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại đoạn thứ ba, thuyết minh số 6.3 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng Công ty CP Sông Hồng đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty và tổng thầu là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đang làm việc để đối chiếu khối lượng phát sinh mà Tổng Công ty đã thực hiện. Đồng thời, các khoản chi phí lãi vay phải thu lại từ các nhà thầu phụ liên quan cũng sẽ được điều chỉnh khi Tổng Công ty thống nhất được với các nhà thầu phụ.

Như đã trình bày tại Cơ sở lập Báo cáo tài chính, thuyết minh số 4 Các chính sách kế toán áp dụng, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bàn giao về Bộ Xây dựng. Tuy nhiên đến 31/12/2016, Bộ Xây dựng chưa có quyết định chính thức về việc nhận bàn giao. Báo cáo tài chính của Trường tại thời điểm 31/12/2016 được tổng hợp vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty như sau: chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại 30/09/2015 được phản ánh trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác của Tổng Công ty với số tiền 65,2 tỷ đồng.

#### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán độc lập bởi kiểm toán viên khác và đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ký ngày 12 tháng 01 năm 2017 có ý kiến dạng ngoại trừ do các nội dung sau: công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ; Tổng Công ty chưa xác định và ghi nhận đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu; Một số nhà thầu phụ đã dừng thi công hoặc công trình đã hoàn thành, nghiệm thu với chủ đầu tư nhưng khoản tiền ứng trước cho các nhà thầu này vẫn chưa được Tổng Công ty quyết toán với nhà thầu; chưa hoàn thành việc chuyển giao dự án Khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch; chưa ghi nhận tăng Bất động sản đầu tư, doanh thu, giá vốn từ việc cho thuê lại phần diện tích văn phòng và khu thương mại của Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3; Chi phí quản lý chung của Ban điều hành gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội chưa được cung cấp tài liệu làm cơ sở phân bổ chi phí quản lý; chưa có đủ bằng chứng về khoản thu nhập cho thuê tài sản Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng; Chi phí dở dang tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí.

Ngoại trừ vấn đề liên quan đến trích lập dự phòng, khoản thu nhập cho thuê tài sản và chi phí quản lý chung của Ban điều hành gói thầu số 3 và việc chuyển giao dự án KĐT Sông Hồng - Nhơn Trạch đã được Tổng Công ty điều chỉnh, các vấn đề còn lại tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đã được Kiểm toán viên trình bày tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trong Báo cáo này.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2017

Lê Thị Thanh Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2723-2015-137-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 (đã trình bày lại) VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.373.375.116.213</b>	<b>1.838.511.485.858</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>37.114.281.849</b>	<b>87.753.702.257</b>
1. Tiền	111		37.114.281.849	87.753.702.257
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>736.983.386.250</b>	<b>1.005.523.963.253</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	322.834.526.997	434.483.816.605
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	318.396.240.629	348.989.323.401
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		724.113.670	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	294.897.482.806	337.076.793.868
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(201.686.372.213)	(115.791.900.158)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.817.394.361	265.929.537
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>574.788.366.026</b>	<b>716.222.060.084</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	574.788.366.026	716.222.060.084
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.489.082.088</b>	<b>29.011.760.264</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.408.144.304	3.629.323.598
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.400.560.894	18.151.557.007
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	7.680.376.890	7.230.879.659
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>460.195.025.892</b>	<b>517.122.724.908</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>269.713.930.141</b>	<b>305.725.140.170</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.583.762.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	268.130.168.141	305.725.140.170
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.444.318.972</b>	<b>47.306.993.691</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	33.785.030.605	46.575.782.952
- Nguyên giá	222		134.109.433.513	145.779.151.283
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.324.402.908)	(99.203.368.331)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	659.288.367	731.210.739
- Nguyên giá	228		1.449.147.395	1.449.147.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(789.859.028)	(717.936.656)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>71.348.791.762</b>	<b>77.428.937.584</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		71.348.791.762	77.428.937.584
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>60.467.747.271</b>	<b>57.442.307.271</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		49.908.633.329	46.883.193.329
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.259.113.942	12.259.113.942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.220.237.746</b>	<b>29.219.346.192</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	23.457.559.437	28.202.441.780
2. Lợi thế thương mại	269		762.678.309	1.016.904.412
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.833.570.142.105</b>	<b>2.355.634.210.766</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 (đã trình bày lại) VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.912.022.506.787</b>	<b>2.229.187.008.600</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.577.151.629.565</b>	<b>1.859.363.404.010</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	416.937.570.335	537.396.448.051
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	198.252.169.564	319.289.248.590
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	49.555.338.371	52.048.809.541
4. Phải trả người lao động	314		19.692.518.985	17.241.832.447
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	323.334.596.275	292.610.374.931
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	157.949.451.433	145.799.779.096
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	410.295.251.778	488.952.089.343
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.522.373.562
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.134.732.824	2.502.448.449
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>334.870.877.222</b>	<b>369.823.604.590</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	55.170.809.696	55.246.567.272
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	262.307.646.937	299.377.169.879
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	17.392.420.589	7.392.420.589
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	7.807.446.850
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(78.452.364.682)</b>	<b>126.447.202.166</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(79.518.848.209)</b>	<b>125.380.718.639</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.19	270.000.000.000	270.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.19	23.795.372.214	23.795.372.214
4. Cổ phiếu quỹ	415	5.19	(390.000.000)	(390.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.19	31.920.594.659	33.433.342.619
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419	5.19	25.981.000	25.981.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.19	6.710.417.519	6.224.238.829
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.19	(425.481.244.276)	(234.388.523.952)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(246.039.588.416)	(157.328.621.350)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(179.441.655.860)	(77.059.902.602)
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.900.030.675	26.680.307.929
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.066.483.527</b>	<b>1.066.483.527</b>
1. Nguồn kinh phí	431		935.789.083	935.789.083
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		130.694.444	130.694.444
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.833.570.142.105</b>	<b>2.355.634.210.766</b>
(440 = 300+400)				

Người lập



Ngô Văn Chính

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2017



Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hưng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(đã trình bày lại) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	693.075.456.929	957.078.103.705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	-	1.128.838.450
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		693.075.456.929	955.949.265.255
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	710.132.295.237	912.946.713.259
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(17.056.838.308)	43.002.551.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	3.325.085.336	12.181.613.781
7. Chi phí tài chính	22	5.24	52.212.082.801	32.180.784.149
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.945.908.732	29.896.791.946
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.881.071.870	(5.648.094.164)
9. Chi phí bán hàng	25	5.25	6.388.126.888	5.986.126.420
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	118.551.607.805	104.767.439.709
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(187.002.498.596)	(93.398.278.665)
12. Thu nhập khác	31	5.26	16.568.236.762	18.389.786.006
13. Chi phí khác	32	5.26	16.505.962.051	9.634.902.319
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		62.274.711	8.754.883.687
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(186.940.223.885)	(84.643.394.978)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	192.255.395	534.221.216
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(187.132.479.280)	(85.177.616.194)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(179.441.655.860)	(82.514.314.380)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(7.690.823.420)	(2.663.301.814)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	(6.646)	(3.056)

Người lập



Ngô Văn Chính

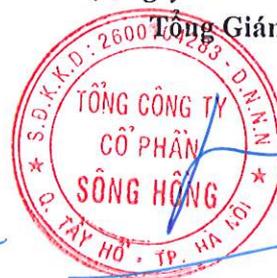
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2017

Tổng Giám đốc




Lã Tuấn Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	(đã trình bày lại) VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(186.940.223.885)	(84.643.394.978)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	02	11.479.611.730	12.918.412.025
- Các khoản dự phòng	03	74.564.651.643	55.931.809.152
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.215.778.842)	(11.784.710.426)
- Chi phí lãi vay	06	54.945.908.732	29.896.791.946
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(50.165.830.622)	2.318.907.719
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	230.479.078.877	(48.086.246.773)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	141.433.694.058	141.214.134.165
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(302.186.662.511)	(102.304.340.626)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	3.995.208.753	5.230.824.085
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.550.061.756)	6.150.224.953
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(471.202.540)	(1.625.660.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.038.750.749
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(54.614.999)	(11.554.589.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.479.609.260	(5.617.995.078)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.242.600.381)	(3.872.847.047)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.628.381.136	122.090.909
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.390.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	6.917.859.074
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.100.000.000	2.543.416.464
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	197.580.812	2.338.635.064
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.537.807.897	8.049.154.464
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ cho vay	33	168.132.831.335	325.677.421.199
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(236.789.668.900)	(304.947.623.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.656.837.565)	20.729.797.294
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(50.639.420.408)	23.160.956.680
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	87.753.702.257	64.592.745.577
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	37.114.281.849	87.753.702.257

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2017

Người lập



Ngô Văn Chính

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là: SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là: SHC

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên công ty, đơn vị</b>	<b>% sở hữu theo cam kết</b>	<b>% sở hữu thực tế</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	57,78%	57,78%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	76,37%	76,37%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	65,63%	65,63%
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	57,08%	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	32,81%	32,81%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	21,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	22,39%	22,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	22,51%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	62,81%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	13,33%	13,33%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	22,51%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	37,98%

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

**Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Trường trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng (đã bàn giao về Bộ Xây dựng)

Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6

Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu Đà Nẵng

Ban Quản lý Công trình Cấp thoát nước Hà Nội

Ban điều hành Công trình Khách sạn Royal Sông Hồng

Ban điều hành Công trình Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia

Ban quản lý Dự án Khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch

Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà thi đấu đa năng Tỉnh Nam Định

**Địa chỉ**

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Khu 6B, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số 144 Phan Bội Châu, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Số A38, ấp Thị Cầu, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại các văn bản số 1549/QĐ-Ttg ngày 08/09/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyển Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về Bộ Xây dựng; văn bản số 1075/QĐ-BXD ngày 21/09/2015 của Bộ Xây dựng về việc tiếp nhận Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng, tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng ("Trường") đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bàn giao về Bộ Xây dựng. Cụ thể các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Trường tại 30/09/2015 như sau: Tài sản ngắn hạn: 2,38 tỷ đồng; Tài sản dài hạn: 64,42 tỷ đồng; Nợ phải trả: 1,59 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu: 65,2 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2016, Bộ Xây dựng chưa có quyết định chính thức về việc nhận bàn giao. Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2016 của Trường được tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau: chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại 30/09/2015 được phản ánh trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác của Tổng Công ty với số tiền 65,2 tỷ đồng.

#### Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đồ gá: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	5.771.891.196	7.108.170.058
Tiền gửi ngân hàng	31.342.390.653	80.645.532.199
<b>Tổng</b>	<b>37.114.281.849</b>	<b>87.753.702.257</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 (đã trình bày lại) VND
Ban quản lý Dự án ĐTPT Giao thông đô thị Hà Nội	29.840.082.455	27.246.133.260
Sở Văn Hóa thể thao du lịch Tỉnh Nam Định	13.318.357.753	47.662.102.353
BQL dự án Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh	27.762.039.000	-
Các đối tượng khác	251.914.047.789	359.575.580.992
<b>Tổng</b>	<b>322.834.526.997</b>	<b>434.483.816.605</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	43.574.509.655	35.715.758.445
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Các đối tượng khác	148.431.644.843	186.883.478.825
<b>Tổng</b>	<b>318.396.240.629</b>	<b>348.989.323.401</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.4 Các khoản phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016 (đã trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>294.897.482.806</b>	<b>(104.637.070.708)</b>	<b>337.076.793.868</b>	<b>(72.726.961.795)</b>
- Phải thu về CP hóa	3.472.316.156	-	3.979.603.237	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	3.720.227.480	-	4.186.846.728	-
- Tạm ứng	111.007.010.251	(3.903.266.119)	37.378.251.727	(377.814.119)
- Ký cược, ký quỹ	290.550.000	-	1.095.645.401	-
- Phải thu khác	176.407.378.919	(100.733.804.589)	290.436.446.775	(72.349.147.676)
+ <i>Phải thu về việc bàn giao Trường về BXD (*)</i>	<i>65.219.780.509</i>	-	<i>65.219.780.509</i>	-
+ <i>Công ty CP Sông Hồng 6</i>	<i>27.893.362.959</i>	<i>(27.893.362.959)</i>	<i>27.893.362.959</i>	<i>(23.804.025.198)</i>
+ <i>Phải thu khác</i>	<i>83.294.235.451</i>	<i>(72.840.441.630)</i>	<i>197.323.303.307</i>	<i>(48.545.122.478)</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>268.130.168.141</b>	<b>-</b>	<b>305.725.140.170</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	172.951.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<i>Phải thu BQL Dự án Thái Hà lợi nhuận được chia theo sổ tạm tính</i>	<i>103.921.529.131</i>	-	<i>103.921.529.131</i>	-
<i>Chuyển tiền cho BQL Dự án Thái Hà để nộp thuế</i>	<i>10.472.504.872</i>	-	<i>10.472.504.872</i>	-
<i>Đầu tư Dự án 11,12,13 Thái Hà</i>	<i>142.540.429.167</i>	-	<i>142.540.429.167</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	<i>11.022.753.971</i>	-	<i>48.790.677.000</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>563.027.650.947</b>	<b>(104.637.070.708)</b>	<b>642.801.934.038</b>	<b>(72.726.961.795)</b>

**Trong đó:**

(\*): Theo hướng dẫn tại các văn bản số 1549/QĐ-Ttg ngày 08/09/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyển Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về Bộ Xây dựng; văn bản số 1075/QĐ-BXD ngày 21/09/2015 của Bộ Xây dựng về việc tiếp nhận Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng, tại thời điểm 30/9/2015, đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty là Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng ("Trường") đã thực hiện công tác kiểm toán và nộp hồ sơ bàn giao về Bộ Xây dựng. Cụ thể các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Trường tại 30/09/2015 như sau: Tài sản ngắn hạn: 2,38 tỷ đồng; Tài sản dài hạn: 64,42 tỷ đồng; Nợ phải trả: 1,59 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu: 65,2 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2016, Bộ Xây dựng chưa có quyết định chính thức về việc nhận bàn giao. Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2016 của Trường được tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau: chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại 30/09/2015 được phản ánh trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác của Tổng Công ty với số tiền 65,2 tỷ đồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2016		01/01/2016 (đã trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	232.371.581.392	30.685.209.179	121.378.275.410	5.586.375.252
<b>Trong đó:</b>		<b>Quá hạn trên 01 năm</b>		
Công ty CP Sông Hồng 6		27.893.362.959		
Công ty CP Sông Hồng 36		19.190.611.925		
Cty CP đầu tư XD Minh Phương		9.100.000.000		
Công ty CP Tư vấn TK&XD Sông Hồng		9.750.490.759		
Các đối tượng khác		135.751.906.570		
<b>Tổng</b>		<b>201.686.372.213</b>		

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.706.610.011	-	3.446.912.982	-
Công cụ, dụng cụ	254.468.140	-	281.183.891	-
Chi phí SXKD dở dang	526.903.793.018	-	668.992.565.498	-
Thành phẩm nhập kho	5.065.679.357	-	4.400.209.835	-
Hàng hóa BĐS(*)	38.780.000.000	-	38.780.000.000	-
Hàng hóa	77.815.500	-	321.187.878	-
<b>Tổng</b>	<b>574.788.366.026</b>	<b>-</b>	<b>716.222.060.084</b>	<b>-</b>

(\*): Khoản tiền Tổng Công ty chi để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính, số tiền 38.780.000.000 đồng.

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.408.144.304</b>	<b>3.629.323.598</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3.408.144.304	3.629.323.598
<b>Dài hạn</b>	<b>23.457.559.437</b>	<b>28.202.441.780</b>
Chi phí triển khai dự án	-	68.330.806
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	2.108.436.057	2.672.478.800
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	2.733.333.320	3.533.333.320
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp		
- Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	18.393.314.717	21.644.353.275
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.343	222.475.344
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	61.470.235
<b>Tổng</b>	<b>26.865.703.741</b>	<b>31.831.765.378</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

MÀU B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	42.351.454.514	68.896.251.764	32.999.162.639	1.532.282.366	145.779.151.283
Tăng trong năm	-	382.110.000	927.990.381	347.250.000	1.657.350.381
Mua trong năm	-	382.110.000	-	38.250.000	420.360.000
Tặng khác	-	-	927.990.381	-	927.990.381
Phân loại lại	-	-	-	309.000.000	309.000.000
Giảm trong năm	1.221.735.547	3.776.478.718	8.079.172.068	249.681.818	13.327.068.151
Thanh lý, nhượng bán	-	-	6.713.587.682	-	6.713.587.682
Giảm do thanh lý Công ty con Công ty CP	-	-	-	-	-
Xây dựng Đô thị Sông Hồng	912.735.547	3.666.954.909	437.594.005	249.681.818	5.266.966.279
Giảm khác	-	109.523.809	927.990.381	-	1.037.514.190
Phân loại lại	309.000.000	-	-	-	309.000.000
Số dư tại 31/12/2016	41.129.718.967	65.501.883.046	25.847.980.952	1.629.850.548	134.109.433.513
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	30.523.974.965	46.861.149.087	20.373.086.096	1.445.158.183	99.203.368.331
Tăng trong năm	1.967.040.999	5.757.410.400	3.566.078.700	117.159.259	11.407.689.358
Khấu hao trong năm	1.967.040.999	5.757.410.400	3.566.078.700	117.159.259	11.407.689.358
Giảm trong năm	912.735.547	3.390.783.264	5.751.787.491	231.348.479	10.286.654.781
Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.314.193.486	-	5.314.193.486
Giảm do thanh lý Công ty con Công ty CP	-	-	-	-	-
Xây dựng Đô thị Sông Hồng	912.735.547	3.281.259.455	437.594.005	231.348.479	4.862.937.486
Giảm khác	-	109.523.809	-	-	109.523.809
Số dư tại 31/12/2016	31.578.280.417	49.227.776.223	18.187.377.305	1.330.968.963	100.324.402.908
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	11.827.479.549	22.035.102.677	12.626.076.543	87.124.183	46.575.782.952
Tại 31/12/2016	9.551.438.550	16.274.106.823	7.660.603.647	298.881.585	33.785.030.605

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.9 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.449.147.395	1.449.147.395
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>1.449.147.395</u>	<u>1.449.147.395</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	717.936.656	717.936.656
Tăng trong năm	71.922.372	71.922.372
Khấu hao trong năm	71.922.372	71.922.372
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>789.859.028</u>	<u>789.859.028</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2016	<u>731.210.739</u>	<u>731.210.739</u>
Tại 31/12/2016	<u>659.288.367</u>	<u>659.288.367</u>

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>71.348.791.762</b>	<b>77.428.937.584</b>
- Khách sạn Royal Sông Hồng (i)	32.672.912.492	30.660.504.429
- Khu đô thị Sông Hồng - Nhơn Trạch (ii)	-	8.654.357.927
- Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 – tạm tính (iii)	23.725.454.545	23.725.454.545
- Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (iv)	12.442.134.286	12.071.772.710
- Các dự án khác	2.508.290.439	2.316.847.973
<b>Tổng</b>	<b><u>71.348.791.762</u></b>	<b><u>77.428.937.584</u></b>

**Trong đó:**

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng. Nhưng do khó khăn trong vấn đề cấp vốn nên Dự án phải kéo dài hơn so với kế hoạch. Tính đến thời điểm lập BCTC này, Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính. Các hạng mục còn lại là Hệ thống điều áp và Thang máy sẽ được triển khai tiếp trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 30/03/2015 của Hội đồng quản trị thì Tổng Công ty đang có kế hoạch tìm các đối tác đầu tư thành lập công ty để quản lý khai thác dự án, Tổng Công ty tham gia góp 45% vốn điều lệ tương ứng với phần chi phí đã bỏ ra.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

#### 5.10 Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)

Tài sản hình thành từ Dự án được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

(ii): Giá trị tạm tính phần diện tích văn phòng thuộc Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 được phân chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

(iii) Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo thỏa thuận trong biên bản hợp ngày 26/11/2015 giữa Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng thì sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 175 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản với giá bán là 16.500.000 đồng/m<sup>2</sup> (giá bán đã bao gồm VAT và phí bảo trì). Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh. Theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 22/07/2014 của Hội đồng Quản trị thì Dự án được thực hiện với tổng mức đầu tư là 1.595 tỷ và thời gian thực hiện là 03 năm từ quý I/2014 đến quý IV/2016. Tính đến thời điểm 31/12/2016, Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng công trình.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<u><b>Giá trị ghi sổ</b></u>	<u><b>01/01/2016</b></u>
		<u><b>Giá trị ghi sổ</b></u>
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>	<b>49.908.633.329</b>	<b>46.883.193.329</b>
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	480.912.114	480.912.114
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	34.442.029.618	30.776.408.422
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	344.772.685	336.963.630
Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng	4.711.850.417	5.382.362.781
Công trình Giao thông Hà Nội		
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	648.026.584	648.026.584
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1.203.349.107	1.180.826.994
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	7.964.186.468	7.964.186.468
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	113.506.336	113.506.336

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN/HN

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	12.259.113.942	-	(1.700.000.000)	-
Góp vốn vào công ty khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4.063.089.559	-	-	-
Công ty CP Sông Hồng 9	2.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1.700.000.000	-	(1.700.000.000)	-
Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long	1.490.400.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình	240.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.259.113.942</b>	<b>-</b>	<b>(1.700.000.000)</b>	<b>-</b>

**Trong đó:**

Theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng và Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng, một số khoản công nợ Tổng Công ty phải thu các công ty con này đã được chuyển thành vốn góp đầu tư. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng tăng từ 65,09% lên 65,63%; tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng tăng từ 45,84% lên 57,08%.

Năm 2016, Tổng Công ty thoái toàn bộ vốn góp vào Công ty con Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng. Tỷ lệ sở hữu tại thời điểm thoái vốn là 57,08%.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN/HN

**5.12 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>416.937.570.335</b>	<b>416.937.570.335</b>	<b>537.396.448.051</b>	<b>537.396.448.051</b>
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	26.801.085.137	26.801.085.137	119.079.663.296	119.079.663.296
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	30.467.159.269	30.467.159.269	48.343.885.059	48.343.885.059
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	10.593.932.599	10.593.932.599	16.614.169.229	16.614.169.229
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	20.138.484.165	20.138.484.165	5.396.618.481	5.396.618.481
Các công ty khác	328.936.909.165	328.936.909.165	347.962.111.986	347.962.111.986
<b>Tổng</b>	<b>416.937.570.335</b>	<b>416.937.570.335</b>	<b>537.396.448.051</b>	<b>537.396.448.051</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>198.252.169.564</b>	<b>198.252.169.564</b>	<b>319.289.248.590</b>	<b>319.289.248.590</b>
Ban Quản lý Dự án thoát nước Hà Nội	-	-	45.500.179.221	45.500.179.221
Các hộ dân DA biệt thự Tây Hồ	38.780.000.000	38.780.000.000	38.780.000.000	38.780.000.000
Công ty CP Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	-	-	24.200.000.000	24.200.000.000
Bà Lê Thị Minh Nguyệt	21.454.000.000	21.454.000.000	21.454.000.000	21.454.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	-	20.378.627.181	20.378.627.181
Các đối tượng khác	138.018.169.564	138.018.169.564	168.976.442.188	168.976.442.188
<b>Tổng</b>	<b>198.252.169.564</b>	<b>198.252.169.564</b>	<b>319.289.248.590</b>	<b>319.289.248.590</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ	
	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016
<b>Phải nộp</b>	<b>52.048.809.541</b>	<b>10.309.846.776</b>	<b>12.803.317.946</b>	<b>49.555.338.371</b>
Thuế giá trị gia tăng	41.093.135.604	7.048.224.766	10.122.460.369	38.018.900.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.155.313.365	192.255.395	471.202.540	7.876.366.220
Thuế thu nhập cá nhân	879.482.484	503.527.525	547.594.736	835.415.273
Thuế tài nguyên	120.565.500	-	72.861.500	47.704.000
Thuế nhà đất tiền thuê đất	1.274.422.280	1.326.960.864	1.315.285.384	1.286.097.760
Thuế khác	396.252.808	55.744.080	55.744.080	396.252.808
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	129.637.500	1.183.134.146	218.169.337	1.094.602.309
<b>Phải thu</b>	<b>7.230.879.659</b>	<b>72.256.917</b>	<b>449.497.231</b>	<b>7.680.376.890</b>
Thuế giá trị gia tăng vãng lai	7.138.058.513	-	368.705.091	7.506.763.604
Thuế TNDN nộp thừa	92.821.146	-	-	92.821.146
Thuế thu nhập cá nhân	-	72.256.917	72.256.917	72.256.917
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.535.223	8.535.223

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.15 Phải trả khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>157.949.451.433</b>	<b>145.799.779.096</b>
Kinh phí công đoàn	1.175.214.740	445.056.918
Bảo hiểm xã hội	12.443.866.712	2.872.157.715
Bảo hiểm y tế	1.137.805.748	521.208.301
Bảo hiểm thất nghiệp	525.890.951	224.399.425
Phải trả về CP hóa	5.783.609.098	5.775.909.098
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.477.647	-
Phải trả, phải nộp khác	136.762.586.537	135.961.047.639
- Công ty CP Nhóm Sông Hồng	3.862.093.801	3.862.093.801
- Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi Mãng Yên Mao)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả Ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ	600.000.000	600.000.000
- Cổ tức phải trả cổ đông	22.919.286.000	22.919.286.000
- Công ty CP Phát triển XD và XNK Sông Hồng	564.011.674	564.011.674
- Vay không tính lãi	2.586.548.716	2.586.548.716
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý	9.578.124.594	9.578.124.594
- Lãi vay phải trả (An Dương, Thăng Long)	21.859.607.351	17.788.509.443
- Phải trả lương nhân công (An Dương)	4.594.680.085	4.594.680.085
- Phải trả CB, công nhân viên (An Dương)	1.347.814.993	1.347.814.993
- Tiền lãi, phạt chậm nộp thuế (An Dương)	4.581.883.961	3.382.531.435
- Phải trả tiền lương, vật tư cho Ctr (SH1)	8.533.453.712	8.533.453.712
- Phải trả chi phí bảo trì tòa nhà CT3 Trung văn (SH1)	5.218.640.473	5.377.260.473
- Các khoản phải trả khác	49.516.441.177	53.826.732.713
<b>Dài hạn</b>	<b>262.307.646.937</b>	<b>299.377.169.879</b>
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán	231.721.064.783	231.721.064.783
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	2.111.705.096	561.705.096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo số tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	26.124.877.058	26.098.000.000
Phải trả tiền ký quỹ để làm sổ đỏ biệt thự D3	200.000.000	200.000.000
Phải trả vốn huy động dự án Khu du lịch sinh thái Tuần Châu Ecopark	-	38.646.400.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Vàng	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản khác	1.150.000.000	1.150.000.000
<b>Tổng</b>	<b>420.257.098.370</b>	<b>445.176.948.975</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>323.334.596.275</b>	<b>292.610.374.931</b>
Chi phí lãi vay phải trả	95.908.277.209	96.767.121.698
Trích trước giá vốn công trình		
<i>Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I</i>	<i>86.584.029.099</i>	<i>61.207.475.147</i>
<i>Công trình Nhà thi đấu Đà Nẵng và Trung tâm Hành chính</i>	<i>34.678.199.577</i>	<i>30.562.859.952</i>
<i>Công trình Cấp thoát nước Hà Nội</i>	<i>24.154.934.237</i>	<i>15.100.060.278</i>
<i>Công trình Nhà thi đấu Nam Định</i>	<i>4.091.302.055</i>	<i>4.091.302.055</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>77.143.188.908</i>	<i>84.106.890.611</i>
Chi phí phải trả khác	774.665.190	774.665.190
<b>Tổng</b>	<b>323.334.596.275</b>	<b>292.610.374.931</b>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>55.170.809.696</b>	<b>55.246.567.272</b>
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng (*)	54.973.840.000	54.973.840.000
Doanh thu sử dụng thương hiệu Sông Hồng	196.969.696	272.727.272
<b>Tổng</b>	<b>55.170.809.696</b>	<b>55.246.567.272</b>

**Trong đó:**

(\*): Doanh thu cho thuê văn phòng thuộc Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 theo hợp đồng số 06/2012/HDTVP/TCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	213.522.447.713	213.522.447.713	158.132.831.335	236.095.919.526	291.485.535.904	291.485.535.904
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	5.524.213.979	5.524.213.979	-	899.786.021	6.424.000.000	6.424.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	54.830.166.951	54.830.166.951	87.778.979.777	77.025.943.668	44.077.130.842	44.077.130.842
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	-	32.926.655.997	32.926.655.997	32.926.655.997
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	7.146.729.105	7.146.729.105	16.179.248.131	18.651.191.126	9.618.672.100	9.618.672.100
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	67.583.908.170	67.583.908.170	2.660.498.275	341.068.713	65.264.478.608	65.264.478.608
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	31.468.450.072	31.468.450.072	-	1.267.017.500	32.735.467.572	32.735.467.572
Vay đối tượng khác	46.968.979.436	46.968.979.436	51.514.105.152	104.984.256.501	100.439.130.785	100.439.130.785
<b>Nợ đến hạn trả</b>	<b>196.772.804.065</b>	<b>196.772.804.065</b>	<b>-</b>	<b>693.749.374</b>	<b>197.466.553.439</b>	<b>197.466.553.439</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	4.364.412.352	4.364.412.352	-	-	4.364.412.352	4.364.412.352
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh	192.408.391.713	192.408.391.713	-	693.749.374	193.102.141.087	193.102.141.087
<b>Vay dài hạn</b>	<b>214.165.224.654</b>	<b>214.165.224.654</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>693.749.374</b>	<b>204.858.974.028</b>	<b>204.858.974.028</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	21.638.432.941	21.638.432.941	10.000.000.000	-	11.638.432.941	11.638.432.941
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (v)	192.408.391.713	192.408.391.713	-	693.749.374	193.102.141.087	193.102.141.087
Vay đối tượng khác	118.400.000	118.400.000	-	-	118.400.000	118.400.000



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2509/2012/HĐTD ngày 25/09/2012 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 8 tháng; Hợp đồng tín dụng được gia hạn đến hết ngày 30/03/2015 theo thông báo V/v phê duyệt gia hạn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ngày 30/09/2014. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây lắp. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2015 là 6.424.000.000 VND. Hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất tại 70 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội và Ngõ 49 đường Hùng Vương, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc với tổng giá trị là 6.050.000.000 VND.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(iii): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 100092/NHNTHD ngày 17/05/2010 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tiền cho vay tối đa là 21.419.000.000 VND. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 72 tháng ngay sau khi kết thúc thời gian ân hạn, kỳ hạn trả nợ gốc là 06 tháng/1 kỳ. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo từng kỳ. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tài sản thế chấp là công trình Khách sạn Royal Sông Hồng tại đường Phan Bội Châu, thành phố Lào Cai hình thành từ "Dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Royal Sông Hồng" và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng 02/HĐ-VEC/2011 và Hợp đồng 01/2011/CP-3.

(iv): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Ang 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận để Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Ang 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	270.000.000.000	23.795.372.214	(390.000.000)	33.691.738.561	25.981.000	6.250.085.741	(118.604.580.973)	214.768.596.543
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	129.965.601	-	-	-	129.965.601
Tặng khác	-	-	-	-	-	82.077.257	-	82.077.257
Điều chỉnh hồi tố năm trước	-	-	-	-	-	-	(40.604.480.716)	(40.604.480.716)
Lỗi năm nay	-	-	-	-	-	-	(82.514.314.380)	(82.514.314.380)
Tặng/ Giám do chuyển, thanh lý	-	-	-	(388.361.543)	-	(107.924.169)	1.375.779.690	879.493.978
Công ty liên kết, công ty con	-	-	-	-	-	-	(450.454.322)	(450.454.322)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/ Giám do ghi nhận bổ sung lỗ	-	-	-	-	-	-	-	-
lũy kế các năm trước cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	6.920.068.633	6.920.068.633
không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-
Giám khác	-	-	-	-	-	-	(510.541.884)	(510.541.884)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>23.795.372.214</b>	<b>(390.000.000)</b>	<b>33.433.342.619</b>	<b>25.981.000</b>	<b>6.224.238.829</b>	<b>(234.388.523.952)</b>	<b>98.700.410.710</b>
Số dư tại 01/01/2016	270.000.000.000	23.795.372.214	(390.000.000)	33.433.342.619	25.981.000	6.224.238.829	(234.388.523.952)	98.700.410.710
Tặng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	486.178.690	-	486.178.690
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(179.441.655.860)	(179.441.655.860)
Tặng/ Giám do chuyển Công ty công	-	-	-	(1.512.747.960)	-	-	-	(1.512.747.960)
ty con thành liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh hồi tố năm trước	-	-	-	-	-	-	(3.960.241.044)	(3.960.241.044)
Tặng/ Giám do ghi nhận bổ sung lỗ	-	-	-	-	-	-	-	-
lũy kế các năm trước cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(7.690.823.420)	(7.690.823.420)
không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>23.795.372.214</b>	<b>(390.000.000)</b>	<b>31.920.594.659</b>	<b>25.981.000</b>	<b>6.710.417.519</b>	<b>(425.481.244.276)</b>	<b>(93.418.878.884)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	197.631.780.000	197.631.780.000
Công ty Chứng khoán Thiên Việt	22.310.000.000	22.310.000.000
Các đối tượng khác	50.058.220.000	50.058.220.000
<b>Tổng</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>270.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	270.000.000.000	270.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.920.594.659	33.433.342.619
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.710.417.519	6.224.238.829
<b>Tổng</b>	<b>38.656.993.178</b>	<b>39.683.562.448</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.434.215.168	6.789.966.341
Doanh thu bán hàng	73.821.155.678	65.078.808.990
Doanh thu hợp đồng xây dựng	614.820.086.083	885.209.328.374
<b>Tổng</b>	<b>693.075.456.929</b>	<b>957.078.103.705</b>

**5.21 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hàng bán bị trả lại	-	1.128.838.450
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.128.838.450</b>

**5.22 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.095.714.122	6.069.563.999
Giá vốn hàng bán	50.715.341.079	47.944.683.420
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	655.321.240.036	858.932.465.840
<b>Tổng</b>	<b>710.132.295.237</b>	<b>912.946.713.259</b>

**5.23 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	214.085.336	1.283.018.757
Cổ tức, lợi nhuận được chia	867.000.000	10.894.858.537
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.244.000.000	3.736.487
<b>Tổng</b>	<b>3.325.085.336</b>	<b>12.181.613.781</b>

**5.24 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	54.945.908.732	29.896.791.946
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	519.994.264
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.733.825.931)	1.700.000.000
Chi phí tài chính khác		63.997.939
<b>Tổng</b>	<b>52.212.082.801</b>	<b>32.180.784.149</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.25 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 (đã trình bày lại) VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>6.388.126.888</b>	<b>5.986.126.420</b>
Chi phí nhân viên	806.753.579	858.212.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.248.720	94.409.171
Thuế phí và lệ phí	281.017.100	176.665.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.146.929.424	2.840.911.622
Chi phí bằng tiền khác	3.076.178.065	2.015.928.091
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>118.551.607.805</b>	<b>104.767.439.709</b>
Chi phí nhân viên quản lý	26.964.080.265	31.791.802.833
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.136.638.458	8.340.045.546
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.532.753.084	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.517.171.319	3.403.672.170
Thuế phí và lệ phí	2.120.181.762	2.479.595.806
Chi phí dự phòng	74.222.313.427	43.807.737.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.020.808.267	7.096.329.928
Chi phí khác bằng tiền	3.037.661.223	7.848.256.286
<b>Tổng</b>	<b>124.939.734.693</b>	<b>110.753.566.129</b>

**5.26 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 (đã trình bày lại) VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng	1.469.316.961	3.024.749.521
Phí thầu chính, thầu phụ	11.097.173.399	6.557.643.339
Thanh lý vật liệu	2.826.510.038	-
Thu nhập ròng từ thanh lý TSCĐ	890.693.506	-
Thu nhập tiền thương hiệu	-	3.160.606.062
Thu nhập khác	284.542.858	5.646.787.084
<b>Tổng</b>	<b>16.568.236.762</b>	<b>18.389.786.006</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế	3.673.967.709	-
Khấu hao TSCĐ tại Cty TNHH MTV Cơ Giới Sông Hồng và Cty Sông Hồng An Dương	2.304.111.298	7.309.898.406
Chi phí tổn thất đầu tư dự án Nhơn Trạch	8.654.357.927	-
Thanh lý vật liệu	11.218.182	-
Chi phí khác	1.862.306.935	2.325.003.913
<b>Tổng</b>	<b>16.505.962.051</b>	<b>9.634.902.319</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>62.274.711</b>	<b>8.754.883.687</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.27 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	192.255.395	534.221.216
<b>Tổng</b>	<b>192.255.395</b>	<b>534.221.216</b>

**5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015 (đã trình bày lại)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(187.132.479.280)</b>	<b>(85.177.616.194)</b>
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(179.441.655.860)	(82.514.314.380)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(7.690.823.420)	(2.663.301.814)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)</b>	<b>(179.441.655.860)</b>	<b>(82.514.314.380)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	27.000.000	27.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(6.646)</b>	<b>(3.056)</b>

**5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.431.055.332
Chi phí nhân công	50.275.953.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.606.336.785
Chi phí dự phòng	74.564.651.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.270.044.331
Chi phí khác bằng tiền	253.264.734.882
<b>Tổng</b>	<b>694.412.776.764</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.114.281.849	87.753.702.257
Phải thu khách hàng và phải thu khác	684.175.805.731	961.493.850.485
Đầu tư dài hạn	12.259.113.942	12.259.113.942
<b>Tổng</b>	<b>734.273.315.192</b>	<b>1.062.006.666.684</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	427.687.672.367	496.344.509.932
Phải trả người bán và phải trả khác	837.194.668.705	982.573.397.026
Chi phí phải trả	323.334.596.275	292.610.374.931
<b>Tổng</b>	<b>1.588.216.937.347</b>	<b>1.771.528.281.889</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch cơ gốc ngoại tệ. theo đó. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	410.295.251.778	17.392.420.589	427.687.672.367
Phải trả người bán và phải trả khác	574.887.021.768	262.307.646.937	837.194.668.705
Chi phí phải trả	323.334.596.275	-	323.334.596.275
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	488.952.089.343	7.392.420.589	496.344.509.932
Phải trả người bán và phải trả khác	683.196.227.147	299.377.169.879	982.573.397.026
Chi phí phải trả	292.610.374.931	-	292.610.374.931

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13.776.454	13.776.454
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13.255.443.049	13.379.149.337
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	422.415.865	422.415.865
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.897.962.892	3.843.175.192
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	460.501.447	460.501.447
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khách hàng	19.785.826	19.785.826
<b>Tổng</b>		<b>18.275.875.570</b>	<b>18.344.794.158</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Trả trước người bán	-	1.931.630.731
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	8.858.279.190
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126.390.086.131	126.390.086.131
<b>Tổng</b>		<b>143.290.740.552</b>	<b>146.979.996.052</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1.929.686.382	647.080.947
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	696.417.807	578.580.280
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải thu khác	-	175.620.572
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	14.436.993.970	14.293.128.007
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3.320.000.000	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khác	-	1.485.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8.702.653.581	8.747.920.720
<b>Tổng</b>		<b>29.085.751.740</b>	<b>25.927.330.526</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	3.233.337.794	4.715.522.309
Công ty CP Đầu tư TM&XD CT Giao thông Hà Nội	Phải trả người bán	2.610.987.220	4.259.894.699
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	-	292.593.826
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	10.593.932.599	16.614.169.229
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	338.941.257	831.941.257
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải trả người bán	-	38.942.931
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	195.159.507	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6.074.453.511	8.818.857.996
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	-	1.275.927.812
<b>Tổng</b>		<b>23.046.811.888</b>	<b>36.847.850.059</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Người mua trả trước	-	344.341.696
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>344.341.696</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Người mua trả trước	-	344.341.696
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>344.341.696</b>

**6.3 Thông tin khác**

Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2014-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 3351/BXD-QLDN ngày 18/12/2014 về việc chấp thuận phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị Tổng Công ty giai đoạn 2014-2015 và mục tiêu 2020. Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long, Công ty Cổ phần Sông Hồng 8, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng, Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung, Công ty Cổ phần Sông Hồng 36, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9, Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô, Công ty Cổ phần Sông Hồng 6, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh BĐS Hà Nội Sông Hồng, Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát.

Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty CP Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

**6.4 Cam kết về đầu tư khác**

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai dự án.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.5 Báo cáo bộ phận***Theo lĩnh vực kinh doanh:*

Doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm chủ yếu phát sinh từ hoạt động xây lắp với tỷ trọng chiếm trên 90% của Tổng doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

*Theo khu vực địa lý:*

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**6.6 Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm, Tổng Công ty quyết định thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí khấu hao tài sản bàn giao cho đơn vị khác, chi phí dự phòng và chi phí khác phát sinh. Việc điều chỉnh hồi tố tuân thủ theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi Chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các sai sót được điều chỉnh vào đầu kỳ của số liệu so sánh. Cụ thể:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	01/01/2016 (đã trình bày lại) VND	31/12/2015 VND	Chênh lệch VND
<b>TÀI SẢN</b>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	434.483.816.605	441.793.715.011	(7.309.898.406)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(115.791.900.158)	(18.285.796.174)	(97.506.103.984)
<b>TỔNG</b>	<b>318.691.916.447</b>	<b>423.507.918.837</b>	<b>(104.816.002.390)</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(234.388.523.952)	(129.572.521.562)	(104.816.002.390)
<b>TỔNG</b>	<b>(234.388.523.952)</b>	<b>(129.572.521.562)</b>	<b>(104.816.002.390)</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đã trình bày lại) VND	Năm 2015 (trước điều chỉnh) VND	Chênh lệch VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	104.767.439.709	47.865.816.441	56.901.623.268
Chi phí khác	9.634.902.319	2.325.003.913	7.309.898.406
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(84.643.394.978)	(20.431.873.304)	(64.211.521.674)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.7 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến ngoại trừ. Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí khấu hao tài sản bàn giao cho đơn vị khác, chi phí dự phòng và chi phí khác. Việc điều chỉnh hồi tố tuân thủ theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi Chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các sai sót được điều chỉnh vào đầu kỳ của số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2017

Người lập



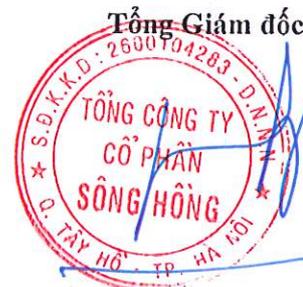
Ngô Văn Chính

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hưng

